

THỰC TRẠNG MỨC ĐỘ SỬ DỤNG INTERNET VÀ MẠNG XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TS. Nguyễn Mạnh Tuấn¹, ThS. Trần Minh Thắng²

Tóm tắt: Đánh giá thực trạng ảnh hưởng của Internet và mạng xã hội đến hoạt động học tập của sinh viên là một yêu cầu rất bức thiết. Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy, hầu hết sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Sư phạm Hà Nội đều có hành vi sử dụng mạng xã hội ở mức độ cao, được biểu hiện qua các mức độ khác nhau về mặt thời gian tần suất sử dụng mạng xã hội đã chiếm hầu hết thời gian trong ngày của sinh viên, không còn thời gian dành cho việc khác, có nhiều nội dung đăng tải cũng như nội dung chia sẻ của sinh viên lên các trang mạng xã hội đều với mục đích thể hiện bản thân.

Từ khóa: Thực trạng; mạng xã hội; ảnh hưởng của Internet.

Abstract: Assessing the current status of the influence of the Internet and social networks on students' learning activities is a very urgent requirement. The results of practical research show that most students majoring in physical education at Hanoi National University of Education have a high level of social networking behavior, which is expressed through different levels of social media use. In terms of time, the frequency of using social networks has taken up most of the students' day, there is no time left for other things, there are many posts and content shared by students on websites.

Keywords: Reality; Social Network; influence of the Internet

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Internet và Mạng xã hội (MXH) tại Việt Nam đang từng ngày lớn mạnh và ăn sâu hơn vào tiềm thức của giới trẻ, từ đó đã thu hút và lôi cuốn giới trẻ quá ham mê mà bỏ quên tất cả những công việc khác, việc này làm họ không chú tâm đến mọi việc xung quanh mình diễn ra như thế nào hay ra làm sao, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc học tập và công tác. Chính vì vậy, vấn đề nghiên cứu đánh giá thực trạng mức độ sử dụng Internet và MXH của sinh viên (SV) chuyên ngành Giáo dục thể chất (GDTC) hệ chính quy trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN) hiện nay là cần thiết, để từ đó định hướng và đưa ra giải pháp sử dụng có hiệu quả Internet và MXH vào trong quá trình học tập của SV.

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm: phân tích và tổng hợp tài liệu; điều tra xã hội học, phỏng vấn và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Nghiên cứu đã tiến hành lựa chọn mẫu và tiến hành khảo sát 150 SV chuyên ngành GDTC các khóa Đại học hệ chính quy từ K69 đến K72 hiện đang học tập tại trường với các nội dung sau:

- Mức độ sử dụng Internet và các trang MXH của SV.
- Mục đích sử dụng Internet và MXH của SV.
- Tần suất sử dụng Internet và MXH của SV.
- Phương tiện chính sử dụng để truy cập Internet

và MXH của SV.

Kết quả thu được như trình bày ở các bảng từ 1 đến 6.

2.1. Mức độ sử dụng Internet và các trang MXH của SV.

Qua kết quả thu được ở bảng 1 có thể thấy, Facebook và Zalo là các trang MXH được SV lựa chọn nhiều nhất (với ĐTB = 4.00), đứng thứ hai là mạng Tiktok (với ĐTB = 3.96), đứng thứ ba là Youtube (ĐTB = 3.93), thứ tư là mạng Instagram (với ĐTB = 3.23). Các trang MXH ít phổ biến hơn là Twitter (ĐTB = 1.95), Lotus (ĐTB = 1.27).

Với MXH Facebook và Zalo (ĐTB = 4.00) thì 100% SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN thường xuyên sử dụng. Đối với MXH Tiktok (xuất hiện sau Facebook và Zalo), nhưng đã thu hút khá lớn giới trẻ tham gia sử dụng. Đối với SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN, tỷ lệ thường xuyên sử dụng là 96.00%. Có thể nói, mặc dù ra đời với thời gian không lâu nhưng MXH, đặc biệt MXH Facebook, Zalo và Tiktok với những tính năng ưu việt, độ tương tác cao và dễ sử dụng. Các MXH này đã trở thành MXH phổ biến và được các bạn trẻ yêu thích nhất ở Việt Nam. SV là những người còn trẻ tuổi, năng động muốn thể hiện bản thân với mong muốn giao lưu kết bạn trên MXH thì Facebook dường như không thể thiếu đối với mỗi bạn trẻ.

Cùng với Facebook và Zalo thì Tiktok cũng là

Bảng 1. Mức độ sử dụng các trang MXH của SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN (n = 150)

TT	Trang MXH	Mức độ sử dụng								ĐTB
		Thường xuyên (4 đ)		Thỉnh thoảng (3 đ)		Hiếm khi (2 đ)		Chưa bao giờ (1 đ)		
		n	%	n	%	n	%	n	%	
1	Facebook	150	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4.00
2	TikTok	144	96.00	6	4.00	0	0.00	0	0.00	3.96
3	Zalo	150	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4.00
4	Youtube	141	94.00	8	5.33	1	0.67	0	0.00	3.93
5	Lotus	0	0.00	2	1.33	37	24.67	111	74.00	1.27
6	Twitter	5	3.33	35	23.33	58	38.67	52	34.67	1.95
7	Instagram	70	46.67	46	30.67	32	21.33	2	1.33	3.23
8	Mạng khác	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0.00

Bảng 2. Mục đích sử dụng MXH của SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN (n = 150)

TT	Mục đích sử dụng mạng xã hội	Kết quả phỏng vấn		Xếp hạng
		n	Tỷ lệ %	
1	Kết nối và giữ liên lạc bạn bè	101	67.33	1
2	Chơi game	2	1.33	7
3	Cập nhật các tin tức mới	8	5.33	4
4	Chia sẻ những sở thích của mình	5	3.33	6
5	Tham gia các nhóm trên mạng xã hội	7	4.67	5
6	Quảng cáo kinh doanh	14	9.33	2
7	Chat với bạn bè	13	8.67	3

Bảng 3. Nguồn thông tin biết tới mạng xã hội của SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN (n = 150)

TT	Mục đích sử dụng mạng xã hội	Kết quả phỏng vấn		Xếp hạng
		n	Tỷ lệ %	
1	Trên Internet	46	30.67	2
2	Quảng cáo	25	16.67	3
3	Bạn bè giới thiệu	64	42.67	1
4	Sách báo	15	10.00	4
5	Nguồn khác	0	0.00	5

MXH được các SV yêu thích và sử dụng nhiều đứng thứ hai chỉ sau Facebook và Zalo (với ĐTB = 3.96) cụ thể như sau: có tới 96.00% SV thường xuyên sử dụng, 4.00% SV thỉnh thoảng sử dụng. Nếu như Facebook và Zalo thu hút các SV bởi tính năng chia sẻ và kết nối bạn bè trên thế giới, và mọi bình luận cũng như kết bạn đều công khai ai cũng có thể xem và bình luận được, thì Tiktok cũng có những tính năng ưu việt hơn trong việc khai thác và chia sẻ những video clip, cũng như kết nối bạn bè lại với

nhau nhưng chỉ những người có danh bạ điện thoại hoặc biết số điện thoại của bạn bè mới có thể kết bạn và đọc được các bình luận. Mặc dù ra đời sau Facebook và Zalo nhưng đây là mạng được các SV khá ưa thích hiện nay.

Đứng cuối bảng xếp hạng là Lotus (ĐTB = 1.27) chỉ có 1.33% SV thỉnh thoảng mới sử dụng MXH này, và có tới 74.00% SV chưa bao giờ sử dụng MXH này. Mặc dù ra đời vào tháng 03/2007, Lotus là MXH của Việt Nam đầu tiên tích hợp đầy đủ tính

Bảng 4. Thời gian dành cho sử dụng MXH của SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN (n = 150)

TT	Ngày thường				Ngày nghỉ cuối tuần hoặc rảnh rỗi			
	Mức độ sử dụng	n	%	Xếp hạng	Mức độ sử dụng	n	%	Xếp hạng
1	4 - 5 giờ/ngày	60	40.00	1	Dành thời gian chủ yếu cho MXH	10	6.67	5
2	2 - 3 giờ/ngày	50	33.33	2	Trên 5 giờ	50	33.33	1
3	1 - 2 giờ/ngày	25	16.67	3	Dưới 4 giờ	35	23.33	2
4	Dưới 1 giờ/ngày	15	10.00	4	Khoảng 1 - 2 giờ	25	16.67	4
5	Dưới 30 phút/ngày	0	0.00	5	Không vào MXH	30	20.00	3

Bảng 5. Kết quả khảo sát việc sử dụng các thiết bị công nghệ để truy cập, sử dụng MXH của SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN (n = 150)

TT	Thiết bị	Mức độ sử dụng								ĐTB
		Thường xuyên (4 đ)		Thỉnh thoảng (3 đ)		Hiếm khi (2 đ)		Chưa bao giờ (1 đ)		
		n	%	n	%	n	%	n	%	
1	Máy tính	16	10.67	23	15.33	87	58.00	24	16.00	2.21
2	Điện thoại	100	66.67	30	20.00	15	10.00	5	3.33	3.50
3	Laptop	78	52.00	42	28.00	22	14.67	8	5.33	3.27
4	Máy tính bảng	41	27.33	42	28.00	50	33.33	17	11.33	2.71
5	Khác	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0.00

năng của một MXH cơ bản. Trong ba năm phát triển ngoài thế mạnh về nội dung, Lotus gặp rất nhiều vấn đề như kết bạn, tìm kiếm bạn bè phải gửi đường link trang cá nhân vì vậy mà không nhận được ủng hộ của SV.

2.2. Mục đích sử dụng Internet và MXH của SV.

Tiếp theo, nghiên cứu tiến hành tìm hiểu mục đích sử dụng các trạng MXH của SV, kết quả được như trình bày ở bảng 2 cho thấy: qua khảo sát có thể thấy đa phần SV sử dụng MXH với mục đích là kết nối và giữ liên lạc với bạn bè chiếm tỷ lệ 67.33%, tiếp đến đứng thứ hai là với mục đích kinh doanh và quảng cáo chiếm tỷ lệ 9.33%, thứ ba là chat với bạn bè chiếm tỷ lệ 8.67%.

Khi được hỏi về nguồn thông tin nào mà SV biết đến các trang MXH và sử dụng, kết quả thu được như trình bày ở bảng 3 cho thấy: Khi được hỏi SV biết đến các trang MXH từ đâu, trong tổng 150 SV thì có tới 64 SV trả lời do bạn bè giới thiệu chiếm tỷ lệ 42.67%. Với môi trường sống có nhiều bạn bên cạnh. Đây cũng là điều dễ hiểu khi các bạn biết đến nguồn MXH.

Với sự phát triển mạnh của công nghệ như hiện nay thì Internet là một kênh thông tin rất lớn để SV biết đến. Có tới 30.67% SV biết đến MXH qua Internet và một điều không thể phủ nhận rằng MXH

khi xâm nhập vào Việt Nam đã góp phần đưa đến với người tiêu dùng những lợi ích vô cùng lớn. Theo thống kê của trung tâm số liệu quốc tế từ năm 2010 đến nay, Việt Nam đã liên tục đứng thứ Top 20 quốc gia có số người dùng MXH lớn nhất thế giới với tỉ lệ hơn 30.00% dân số và con số này chắc chắn còn tăng trong những năm gần đây.

Ngược lại “quảng cáo” chiếm 16.67% và “sách báo” chiếm 10.00% qua khảo sát đây là hai nguồn mà SV biết đến ít nhất. Qua đây có thể thấy rằng với thời đại công nghệ phát triển như hiện nay thì việc SV tìm hiểu về MXH tương đối dễ và có thể tìm kiếm ở bất cứ đâu.

2.3. Tần suất sử dụng Internet và MXH của SV.

Khi được hỏi: “Ngày bình thường và ngày nghỉ bạn dành bao nhiêu thời gian cho MXH?” kết quả thu được như trình bày ở bảng 4 cho thấy: Thời gian sử dụng MXH trong ngày bình thường và ngày nghỉ cuối tuần không khác nhau nhiều, SV vẫn dành khá nhiều thời gian cho MXH cụ thể:

Ngày bình thường có tới 60 SV sử dụng MXH với khoảng thời gian từ 4 giờ - 5 giờ/ngày chiếm tỷ lệ 40.00%. Trong khi đó có đến 33.30% SV trung bình một ngày dành 2 - 3 giờ đồng hồ trên MXH, chỉ có 16.70% SV dành từ 1 - 2 giờ trên MXH, và 10.00% SV dành dưới 1 giờ cho MXH. Không có

Bảng 6. Mức độ sử dụng MXH trong một tuần của SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN (n = 150)

TT	Mức độ sử dụng MXH	Kết quả phỏng vấn		Xếp hạng
		n	Tỷ lệ %	
1	Luôn sắp xếp việc học để có thể online mỗi ngày	15	10.00	3
2	Bất cứ khi nào rảnh đều tranh thủ online	85	56.67	1
3	Mỗi tuần từ 1 - 2 lần	10	6.67	4
4	Mỗi tuần từ 3 - 4 lần	40	26.67	2
5	Ý kiến khác	0	0.00	5

SV nào dành dưới 30 phút để vào MXH. Tương tự, vào ngày nghỉ của SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN, các SV truy cập MXH cũng khá nhiều, cụ thể: Trên 5 giờ chiếm đến 33.30%, dưới 4 giờ là 23.30%, từ 1 đến 2 giờ là 16.70%. Như vậy có thể thấy rằng SV trường ĐHSPHN trung bình một ngày dành rất nhiều thời gian trên MXH, bất kể ngày bình thường cũng như ngày nghỉ.

2.4. Phương tiện sử dụng để truy cập Internet và MXH của SV.

Nghiên cứu tiến hành khảo sát việc sử dụng các phương tiện, thiết bị công nghệ hỗ trợ giúp SV truy cập nhanh, thuận tiện và thường xuyên để sử dụng Internet và MXH của SV, kết quả thu được như trình bày ở bảng 5 cho thấy: Trong các thiết bị công nghệ đưa ra thì điện thoại thông minh (Smartphone) là phương tiện giúp SV sử dụng và truy cập MXH thường xuyên và phổ biến nhất, với 100 SV thường xuyên sử dụng thiết bị này chiếm đến 66.67% trong tổng số SV tham gia khảo sát. Laptop là công cụ được SV sử dụng nhiều đứng thứ 2 với 52.00% người thường xuyên sử dụng.

Về mức độ sử dụng MXH trong 1 tuần (bảng 6), kết quả cho thấy: đa phần SV sử dụng MXH bất cứ khi nào rảnh, hoặc tranh thủ online bất cứ khi nào rảnh chiếm tỷ lệ 56.70% trong tổng số SV được hỏi. Kế đến là mỗi tuần từ 3 - 4 lần là 26.70% và luôn sắp xếp việc học để có thể online mỗi ngày là 10.00%. Như vậy số lần truy cập MXH là khá thường xuyên. Chỉ cần sở hữu chiếc điện thoại thông minh (Smartphone) có kết nối Internet là SV có thể online mà không cần thoát khỏi ứng dụng đó. Chính vì sự tiện lợi của điện thoại là vật bất ly thân đối với mỗi SV, lại vô cùng nhỏ bé nên có thể mang đi bất cứ nơi đâu, tự mỗi cá nhân tách mình ra khỏi thế giới xung quanh. Đây thực sự là điều cảnh báo trong xã hội hiện nay.

3. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát bước đầu đã cho thấy, Internet và MXH đóng vai trò quan trọng trong đời sống và

ảnh hưởng nhiều đến quá trình học tập cũng đòi hỏi sống tâm lý của SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN. Các trang MXH mà SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN thường xuyên sử dụng nhiều là Facebook, Zalo và Tiktok.

Tuy vậy, SV chuyên ngành GDTC trường ĐHSPHN đều chưa biết cách sắp xếp thời gian để sử dụng Internet và MXH một cách hợp lý, nhiều SV đã dành thời gian khá nhiều trong 1 ngày để sử dụng Internet và MXH (trung bình từ 4 đến 5 giờ), với tần suất khá cao kể cả ngày bình thường và trong các ngày nghỉ. Vì thế, nếu nhà trường có những biện pháp khai thác hiệu quả Internet và MXH phục vụ học tập, khuyến khích SV sử dụng các MXH vào mục đích học tập thì có thể nói đây là một trong những phương thức giúp nâng cao kết quả học tập cho SV trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Lê Hòa An (2013), “Nghiên cứu về hành vi sử dụng Facebook của con người - một thách thức cho tâm lý học hiện đại”, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lê Minh Công (2011). *Tác động của Internet đến nhận thức và hành vi giới tính, tình dục ở thanh thiếu niên*, Luận văn Thạc sĩ ngành Tâm lý học.
3. Trần Thị Minh Đức (2014), *Sử dụng MXH trong SV Việt Nam*, Tạp chí khoa học Việt Nam.
4. Bùi Hương Giang, Ngô Minh Hoàng (2008), *Tìm hiểu ngôn ngữ trên MXH Facebook*, QH-2008-X-NN, Đại học khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích từ đề tài: “Khai thác hiệu quả MXH phục vụ hoạt động học tập cho SV chuyên ngành giáo dục thể chất trường ĐHSPHN”, Nguyễn Mạnh Tuấn - Đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở Trường ĐHSPHN năm 2022 - 2023.

Ngày nhận bài: 11/10/2022; **Ngày duyệt đăng:** 6/12/2022